

XỨ ỦY NAM BỘ LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH RUỘNG ĐẤT TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945 - 1951)

ThS ĐOÀN THỊ HƯƠNG

Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh

Cách mạng tháng Tám - 1945 thành công chưa được bao lâu thì ngày 23-9-1945, thực dân Pháp nổ súng gây hấn ở Sài Gòn, mở đầu cuộc xâm lược nước ta lần thứ hai. Đối diện với họa xâm lăng, Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương tiếp tục nhiệm vụ cách mạng giải phóng dân tộc với khẩu hiệu hành động: “Dân tộc trên hết”, “Tổ quốc trên hết”¹, đồng thời, “thực hiện cách mạng thổ địa bằng một đường lối riêng biệt”² trong phạm vi không có hại cho mặt trận dân tộc thống nhất chống thực dân Pháp xâm lược.

Là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng tại Nam Bộ, vượt qua những khó khăn về nhiều nhiều mặt trong những năm đầu kháng chiến, Xứ ủy Nam Bộ (1945-1951) đã lãnh đạo nhân dân Nam Bộ tiến hành công cuộc “kháng chiến kiến quốc” nói chung và nhiệm vụ cách mạng ruộng đất nói riêng trên cơ sở tuân thủ đường lối kháng chiến của Đảng đồng thời phù hợp với điều kiện cụ thể ở Nam Bộ.

1. Tiến hành tạm cấp ruộng đất quản thu, ruộng đất vắng chủ, ruộng đất có chủ nhưng bỏ hoang cho nông dân dân nghèo

Sau cách mạng Tháng Tám, chính quyền cách mạng ở Nam Bộ đã quản thu số ruộng đất quốc gia (gồm các loại đất hoang trung khẩn tạm giao cho nông dân khai thác; ruộng công điền, công thổ, ruộng đất tịch thu của thực dân Pháp và của Việt gian) với số lượng chiếm gần ¼ tổng số diện tích ruộng đất Nam Bộ. Trong hoàn cảnh kháng chiến ngày càng ác liệt, thực hiện chính sách ruộng đất của Đảng, Chính phủ³, Xứ ủy Nam Bộ chủ trương tiến hành tạm cấp ruộng đất quản thu và đất vắng chủ, ruộng đất có chủ nhưng bỏ hoang cho dân cày nghèo. Theo đó, mỗi gia đình nông dân được mướn từ nửa mẫu đến 2-3 mẫu với mức địa tô nhẹ là 10% 1 năm trong tổng số

hoa lợi thu được. Đến năm 1949, việc tạm cấp ruộng đất đã mang lại nhiều quyền lợi cho người dân không có ruộng hoặc thiếu ruộng. Một số địa phương thực hiện rất tích cực, điển hình là tỉnh Mỹ Tho, khoảng 50.000 nông dân được mướn đất với diện tích trung bình từ 1 đến 3 mẫu⁴. Nhờ số ruộng đất tạm được cấp, một bộ phận nông dân ở Nam Bộ có điều kiện tự túc sản xuất, bớt phụ thuộc vào địa chủ... Tuy nhiên, việc tạm cấp ruộng đất thời gian đầu còn nhiều hạn chế, lúng túng trong khâu thực hiện; ở một số địa phương, số diện tích tạm cấp trên tổng số diện tích ruộng đất quốc gia quản thu chưa nhiều. Tại tỉnh Gia Định Ninh, diện tích đất quản thu là hơn 3.078 mẫu, nhưng chính quyền mới cho nông dân thuê mướn 541,25 mẫu, diện tích đất bỏ hoang lên tới 2.546 mẫu.

Đầu năm 1950, Xứ ủy Nam Bộ nhận được Chỉ thị ngày 14-10-1949 của Trung ương Đảng về tạm cấp ruộng đất tịch thu của thực dân Pháp và Việt gian, tạm giao ruộng đất vắng chủ cho nông dân nghèo không có hoặc thiếu đất sản xuất. Căn cứ vào Chỉ thị của Trung ương, Xứ ủy Nam Bộ chỉ đạo Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ tổ chức Hội nghị nông dân 4 tỉnh miền Tây, lấy ý kiến, nguyện vọng của nhân dân. Trên cơ sở đó, ngày 5-1-1950, Xứ ủy Nam Bộ ra Chỉ thị số 113/CTX “Về việc tạm cấp ruộng đất của Pháp và Việt gian cho dân cày nghèo”, *chính thức phát động phong trào tạm cấp ruộng đất trên toàn Nam bộ*. Trước tình hình một bộ phận nông dân, nhất là trong vùng địch chiếm đóng hoặc chiếm ưu thế, không thỏa mãn với chủ trương “tạm cấp” đất, Chỉ thị giải thích nguyên nhân Đảng và Chính phủ chủ trương chưa cấp vĩnh viễn vì: “Hiện nay ta đang làm cách mạng dân tộc giải phóng. Đảng ta chỉ chủ trương tịch thu đất đai của thực dân Pháp và bọn Việt gian. Số ruộng đất ít ỏi đó chưa có thể cấp vĩnh viễn cho dân cày nghèo được. Cuộc cách mạng dân tộc giải phóng của ta chưa hoàn toàn thành công, vấn đề ruộng đất của ta chưa thể giải quyết dứt khoát”. Xứ ủy yêu cầu các cán bộ Đảng phải giải thích rõ cho quần chúng bản, cổ nông hiểu rằng: “Chính sách cuối cùng của Đảng, của Chính phủ là đem quyền sở hữu vĩnh viễn về ruộng đất cho dân cày. Tạm cấp chỉ là phương pháp tạm thời để đi đến vĩnh viễn”. Chỉ thị nêu rõ: thời hạn được tạm cấp theo sắc lệnh của Chính phủ là 5 năm. Đối tượng được hưởng tạm cấp là bản, cổ nông từ 15 tuổi trở lên; những người già 60-70 tuổi nếu còn sức lao động vẫn được tạm cấp đất. Diện tích tạm cấp tối đa 1 mẫu/người. Chỉ thị nhấn mạnh, trong quá trình tạm cấp đất cho dân cày nghèo, các cấp chính quyền phải lưu ý đặc điểm của dân cày nghèo Nam Bộ: “Khác với Bắc Bộ và Trung Bộ, dân cày Nam Bộ, đặc

biệt là miền Tây Nam Bộ không những không có ruộng cày mà còn không có đất ở, hoàn toàn phụ thuộc vào địa chủ, ở nhờ trên đất của địa chủ, nên khi tạm cấp đất cho dân cày phải chú ý giải quyết cả nhà ở cho họ, có thể cấp đất thổ cư dọc bờ kênh, bờ xáng cho cất nhà”⁵.

Trong quá trình lãnh đạo tạm cấp ruộng đất của Pháp và Việt gian cho dân cày nghèo theo tinh thần Chỉ thị ngày 14-10-1949 của Trung ương Đảng, cũng như thi hành giảm tô, giảm tức, Xứ ủy Nam Bộ yêu cầu các cấp bộ Đảng và chính quyền phải căn cứ vào đặc điểm tình hình địa phương (đất đai, cư dân...) triển khai cho hiệu quả; phải thận trọng, không được hấp tấp và “cần có sự mềm dẻo trong thực hiện, tránh làm tổn hại khối đoàn kết kháng chiến”⁶.

Thực hiện chủ trương và sự chỉ đạo của Xứ ủy, công tác tạm cấp ruộng đất diễn ra trên địa bàn Nam Bộ. Ở Đồng Tháp Mười (miền Đông Nam Bộ), với công thức “trăm ngang ngàn dọc” (100m ngang x 1000m dọc), mỗi hộ nông dân nghèo được chia 10 ha dọc theo kinh Dương Văn Dương. Ngoài ra nông dân còn được cấp thêm các địa bầu (đầm cá)- một nguồn lợi đáng kể ở Đồng Tháp Mười. Bên cạnh đó, chính quyền cách mạng vận động tuyên truyền các địa chủ, chức sắc vừa thực hiện giảm tô cho nông dân, vừa nhượng đất cho chính quyền cách mạng để có thêm quỹ đất cấp cho nông dân cày cấy. Điển hình ở Tân An, được chính quyền vận động, Cai tổng Võ Văn Rạng, người sở hữu nhiều ruộng đất nhất tỉnh, đã tham gia vào Ban Chấp hành “Hội vận động nhượng đất”, tạo điều kiện cho cuộc vận động nhượng đất diễn ra thuận lợi, đồng thời khích lệ các địa chủ khác tham gia kháng chiến. Trong vùng căn cứ U Minh (miền Tây Nam Bộ), các xã thành lập Hội đồng tạm cấp đất ở xã từ 5 đến 7 người, do Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính làm Chủ tịch. Tùy theo tình hình cụ



Tăng gia sản xuất ở căn cứ địa Xứ ủy Nam Bộ

thê về ruộng đất, các xã cấp cho mỗi nhân khẩu từ 8 đến 10 công (khoảng gần ha).

Đến cuối năm 1950, sau một thời gian tiến hành tạm cấp ruộng đất cho dân cày, Xứ ủy Nam Bộ Nam chủ trương triển khai công tác điều tra tình hình nông thôn, nhằm đánh giá công tác thực hiện chính sách ruộng đất, những chuyển biến về giai cấp ở nông thôn và đời sống nông dân.....Công tác điều tra đã thúc đẩy việc tạm cấp ruộng đất ở Nam Bộ tiến triển nhanh. Nếu như cuối năm 1950, trong số 457 xã trên tổng số 1.214 xã Nam Bộ với với 122.719 mẫu đất đã tiến hành điều tra, có 256 xã đã tạm cấp 50.654 mẫu cho gần 100.000 nhân khẩu⁷ thì đến đầu năm 1951, trong 651 xã đã tiến hành điều tra, số ruộng đất tạm cấp cho dân cày là 411.016 mẫu. Số người thuộc diện được tạm cấp là 397.018 người⁸.

Việc thực hiện tạm cấp ruộng đất trong vùng địch kiểm soát rất khó khăn, chủ yếu mang ý nghĩa chính trị, tuyên truyền, động viên tinh thần kháng chiến của nhân dân. Nhiều cán bộ làm nhiệm vụ tạm cấp ruộng đất trong vùng địch đã hy sinh. Chỉ tính riêng tỉnh Tân An, trong năm 1950, 35 cán bộ hi sinh trong khi len lỏi về vùng tạm chiếm để lo việc cấp đất cho dân.

Bên cạnh việc tạm cấp ruộng đất, thực hiện chủ trương của Xứ ủy Nam Bộ, các tỉnh Mỹ Tho, Long Châu Sa, Bà Chợ, Gia Định Ninh... tiến hành chia công điền cho các gia đình chiến sĩ, thương binh, mức chia trung bình mỗi gia đình nửa mẫu.

Những chủ trương, biện pháp tạm cấp ruộng đất của Xứ ủy Nam Bộ đã tác động tích cực trong việc nâng cao tinh thần hăng hái sản xuất và chiến đấu, sức đóng góp và ủng hộ của nông dân cho phong trào kháng chiến.

Tuy nhiên, công tác chỉ đạo của Xứ ủy Nam Bộ trong quản thu ruộng đất, tạm cấp ruộng đất cho nông dân cũng có một số hạn chế. Một số nơi cấp ủy, chính quyền và cán bộ chưa nắm đúng chính sách của Đảng nên cấp đất bừa bãi, không dựa trên những kiến nghị của nông dân; có nơi diện tích đất đã thu được lại không kịp thời chia cho nông dân cày cấy, dẫn đến hậu quả ruộng đất bỏ hoang, trong khi nông dân thiếu ruộng. Đặc biệt, một số cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương như Tây Ninh, Thủ Dầu Một, Tân An, Mỹ Tho, Sa Đéc... mắc khuyết điểm trong tuyên truyền, gán việc tạm cấp ruộng đất với chủ trương tổng phản công, gây nên tư tưởng chủ quan trong cán bộ, nhân dân, đến khi địch hoạt động mạnh, lại hoang mang, lo lắng, ảnh hưởng đến phong trào kháng chiến. Trong Công điện gửi Xứ ủy Nam Bộ ngày 21-4-1951, Trung ương viết: “Về việc tạm cấp đất, chưa chú trọng bảo hộ quyền lợi trung nông. Trong lúc đề ra chủ trương về ruộng đất, cấp ủy, chính quyền chưa thực sự nắm vững phương châm cải thiện sinh hoạt cho dân cày, đồng thời tăng gia sản xuất, đảm bảo cung cấp và củng cố đoàn kết để kháng chiến trường kỳ”⁹.

2. Khuyến khích địa chủ hiến điền, sử dụng hiệu quả ruộng hiến

Nắm rõ đặc điểm hình thành chế độ ruộng đất và tình hình sử hữu đất đai mang tính tập trung ở Nam Bộ¹⁰, những biến động của tầng lớp địa chủ sau khi cuộc kháng chiến nổ ra¹¹, nhiều địa chủ sở hữu tới 10.000 mẫu, đến 17.000 mẫu ruộng tham gia kháng chiến, đảm trách chức vụ Phó chủ tịch, Chủ tịch tỉnh, Xứ ủy Nam Bộ đã đề ra chủ trương và chỉ đạo các địa phương khuyến khích, động viên các địa chủ hiến điền với phương châm “đối với địa chủ Việt gian, phản động thì kiên quyết tịch thu, nhưng đối với địa chủ thường thì “vận động hiến điền, địa chủ đảng viên phải gương mẫu”¹².

Dưới sự lãnh đạo của Xứ ủy, cuộc vận động hiến điền ở Nam Bộ diễn ra sớm và đạt hiệu quả rõ rệt. Đến cuối năm 1950, Xứ ủy chủ trương tiếp tục đẩy mạnh vận động hiến điền, kết quả là trong 16 tỉnh Nam Bộ đã hiến được 12.132 mẫu. Số ruộng đất hiến nhiều nhất là Khu 9. Nhiều thân hào, thân sĩ, chức sắc tôn giáo nổi tiếng đã hiến hàng chục, hàng trăm, héc-ta ruộng đất cho kháng chiến, như ông Cao Triều Phát ở tỉnh Bạc Liêu đã hiến 5.000 héc-ta; ông Huỳnh Thiện Lộc ở tỉnh Rạch Giá đã hiến 5.000 héc-ta; ông Nguyễn Ngọc Tương ở tỉnh Bến Tre đã hiến 100 héc-ta.

Phát huy những thắng lợi đạt được trong công tác vận động hiến điền, đầu năm 1951, các tỉnh miền Tây Nam Bộ phát động địa chủ hiến điền và đạt được kết quả rất lớn. Sau 6 tháng phát động, tỉnh Rạch Giá có 2.785 héc-ta ruộng đất hiến; tỉnh Cần Thơ đạt 50.000 héc-ta; tỉnh Bạc Liêu 8.263 héc-ta; tỉnh Vĩnh Long có hai địa chủ yêu nước hiến 1000 héc-ta (ông Huỳnh và ông Hà Thế Đại)¹³. Những địa chủ hiến điền được gọi là những *địa chủ khai minh*.

Có thể thấy, vận động hiến điền là một sáng tạo trong lãnh thực hiện chính sách ruộng đất của Xứ ủy Nam Bộ. Những thành quả do vận động hiến điền không chỉ đem lại phần lợi ích cho nông dân mà còn góp phần xây dựng khối đoàn kết kháng chiến của nhân dân Nam Bộ.

Tuy nhiên, trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hiến điền vẫn có hạn chế làm ảnh hưởng đến kết quả của phong trào: có nơi vận động cả phú nông, trung nông, bần nông hiến điền; việc giải thích chính sách không rõ làm cho nhiều địa chủ, phú nông sợ, tìm cách đối phó như khai giấu diện tích hoặc hiến những ruộng đất không sinh lợi được; việc động viên trong nhân dân không sâu rộng đã làm ảnh hưởng đến phát động phong trào du kích chiến tranh, phát triển bộ đội, củng cố nông hội, chính quyền và các đoàn thể quần chúng.

3. Thực hiện giảm tô, giảm tức phù hợp đặc điểm tình hình địa phương

Từ khi kháng chiến nổ ra, các cấp ủy Đảng và chính quyền ở Nam Bộ đã tiến hành công tác giảm tô bằng nhiều cách thức khác nhau tùy thuộc đặc điểm tình hình của địa phương. Hình thức phổ biến nhất là tổ chức cho nông dân và chủ ruộng làm giao kèo đảm bảo quyền lợi giảm tô, bảo vệ vốn cho nông dân; vận động chống âm mưu tăng tô. Đến năm 1949, thực hiện Sắc lệnh giảm tô của Chính phủ ban hành ngày 14-7-1949, Xứ ủy Nam Bộ tiến hành lãnh đạo các cấp bộ Đảng, chính quyền vận động, tổ chức nông dân đấu tranh buộc địa chủ thực hiện đúng cam kết giảm tô cho nông dân. Tùy thuộc vào ưu thế của phong trào kháng chiến, từng địa phương ở Nam Bộ đặt ra định mức giảm tô khác nhau¹⁴. Đến đầu năm 1950, sau khi có Chỉ thị ngày 14-10-1949 của Trung ương Đảng về tạm cấp ruộng đất tịch thu của thực dân Pháp và Việt gian, tạm giao ruộng đất vắng chủ cho nông dân nghèo không có hoặc thiếu đất sản xuất, Xứ ủy Nam Bộ nhận thức rõ hơn về vị trí, vai trò của việc thực hiện chính sách ruộng đất của Đảng trong *nhiệm vụ chiến lược xây dựng, phát triển nền kinh tế nhân dân*¹⁵. Xứ ủy chỉ đạo Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ, các cấp ủy và chính quyền địa phương đẩy mạnh hoàn thành giảm tô, thực hiện đúng qui định của Chính phủ giảm tô 25%¹⁶ so với mức địa tô trước Cách mạng Tháng Tám 1945, xoá bỏ các loại tô phụ, lập Hội đồng giảm tô cấp tỉnh...

Mặc dù đạt được một số kết quả, trong thời gian này, việc giảm tô, giảm tức còn gặp nhiều khó khăn và một số hạn chế. Bên cạnh âm mưu và hành động “Lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt”, đánh mạnh căn cứ, phá hoại mùa màng của thực dân Pháp, ở một số địa phương như Liên huyện của Bà Chợ, Trung huyện của Gia Định Ninh, Gò Công của Mỹ

Tho..., một bộ phận địa chủ lợi dụng tình hình lãn chiếm của quân Pháp đứng ra lập lại hội tề, đòi truy tô từ năm 1945, tăng tô, tăng số lời trong việc cho mượn trâu bò, trong việc mua lúa non, cho vay nặng lãi...gây nhiều khó khăn cho vận động giảm tô. Về mặt chủ quan, nhận thức của nhiều cấp ủy, chính quyền địa phương, nhất là ở khu vực miền Đông, về công tác giảm tô, giảm tức chưa đầy đủ, ít chú ý lãnh đạo giảm tô, giảm tức, thiếu biện pháp tuyên truyền, thuyết phục nông dân nên nhiều nơi người nông dân chưa có ý thức đầy đủ về bảo vệ quyền lợi của mình. Trong Công điện gửi Xứ ủy Nam Bộ ngày 21-4-1951, Trung ương nhận xét: “Về điều kiện đặc điểm Nam Bộ, việc giảm tô tương đối dễ làm nên nói chung các cấp ủy chưa chú ý đầy đủ việc lãnh đạo phong trào giảm tô”¹⁷. Cuộc vận động giảm tô cũng chỉ tiến hành được trong vùng căn cứ và vùng du kích. Theo đánh giá của Xứ ủy Nam Bộ, đến năm đầu năm 1950, giảm tức chưa có kết quả vững chắc, việc giảm tô cũng chưa hoàn thành¹⁸.

Ngày 5-11-1950, Ban Thường vụ Trung ương ban hành Chỉ thị *Về vấn đề sửa chữa những sai lầm, khuyết điểm trong việc thi hành chính sách nông thôn của Đảng*. Chỉ thị nhấn mạnh lúc này trong hai nhiệm vụ phản đế và nhiệm vụ phản phong kiến thì nhiệm vụ phản đế là chính, cho nên chủ trương “Liên minh với toàn thể nông dân (kể cả phú nông) hạn chế bóc lột của địa chủ, để đánh đổ đế quốc xâm lược và bọn phản quốc, làm cho nước được độc lập, thống nhất thật sự và củng cố chính quyền dân chủ nhân dân”; phương châm thực hiện chính sách ruộng đất là “dựa vào bản, cổ nông, liên minh chặt chẽ với trung nông, hợp tác với phú nông, đồng thời kéo địa chủ về phe kháng chiến”¹⁹.

Sau khi tiếp nhận Chỉ thị của Đảng, Xứ ủy lãnh đạo các cấp bộ Đảng, chính quyền Nam Bộ quán triệt và khẩn trương tiến hành khắc phục

những hạn chế trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chính sách ruộng đất nói chung và giảm tô, giảm tức nói riêng. Tiếp đó, tại Hội nghị Thường vụ Xứ ủy Nam Bộ mở rộng diễn ra từ ngày 16 đến ngày 20-2-1951, trong khi xác định những nhiệm vụ của Đảng bộ năm 1951, Xứ ủy chủ trương khắc phục hạn chế trong thực hiện chính sách ruộng đất, tiếp tục hoàn thành tạm cấp ruộng đất, triệt để thi hành giảm tô, giảm tức theo tinh thần Chỉ thị ngày 5-11-1950 của Ban Thường vụ Trung ương. Nghị quyết Xứ ủy nêu rõ: “Để thực hiện chính sách ruộng đất cho đúng phải lấy bản cổ nông làm nòng cốt. Chính quyền phải đứng trên quyền lợi của công nông mà điều hòa quyền lợi giữa công nông và địa chủ để không làm mất đoàn kết kháng chiến”²⁰. Xứ ủy lưu ý các cấp bộ Đảng trong quá trình thi hành chính sách ruộng đất của Đảng phải đề phòng những thủ đoạn gian xảo của địa chủ ngoan cố làm sai lệch chính sách của Đảng, đồng thời cũng “đề phòng những hành động quá trớn của Nông hội” có hại cho khối đoàn kết kháng chiến.

Trong khi chủ trương của Xứ ủy về khắc phục hạn chế trong thực hiện chính sách ruộng đất, tiếp tục hoàn thành tạm cấp ruộng đất, triệt để thi hành giảm tô, giảm tức bắt đầu được triển khai thì Trung ương Đảng quyết định nâng cấp cơ quan lãnh đạo ở Nam Bộ²¹. Xứ ủy Nam Bộ kết thúc nhiệm vụ. Việc thực hiện chính sách ruộng đất ở Nam Bộ được đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp Trung ương Cục miền Nam, ở một tầm mức cao hơn, phát huy được tinh thần chủ động, sáng tạo của các cấp bộ đảng, chính quyền và nhân dân Nam Bộ trong hoàn cảnh mới.

Có thể thấy, trong hoàn cảnh cuộc kháng chiến diễn ra ngày càng quyết liệt, gặp nhiều khó khăn trong công tác tổ chức, Xứ ủy Nam Bộ đã hoàn thành nhiệm vụ lãnh đạo phong trào kháng chiến trên địa bàn được phân công phụ trách.

Xứ ủy đã lãnh đạo thực hiện chính sách ruộng đất của Đảng đạt được những kết quả rất quan trọng, được Trung ương Đảng đánh giá là “có nhiều ưu điểm”²², đem lại những quyền lợi cơ bản về ruộng đất cho đa số nông dân, vừa đảm bảo không ngừng gia tăng khối đoàn kết kháng chiến, cô lập thực dân Pháp xâm lược. Tuy còn những hạn chế, nhất là “chưa chú ý nhân dịp thi hành chính sách ruộng đất như giảm tô, giảm tức, tạm cấp... để giác ngộ, tổ chức dân cày và phát động nông dân hăng hái kháng chiến và tăng gia sản xuất”²³, song những kết quả về việc thi hành chính sách ruộng đất đã góp phần quan trọng thúc đẩy phong trào kháng chiến toàn dân, toàn diện ở Nam Bộ phát triển ngày càng mạnh mẽ.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2000, T.8, tr. 32

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2001, T.9, tr. 199

3. Cách mạng tháng Tám thành công, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ban hành sắc lệnh giảm tô 25%, tạm cấp ruộng của thực dân Pháp và Việt gian cho dân cày nghèo, chia cấp công điền công thổ, tạm giao ruộng đất của địa chủ vắng mặt cho nông dân cày cấy không phải nộp tô. Ngày 20-5-1945, Bộ Nội vụ Chính phủ lâm thời ra thông tư qui định giảm địa tô 25 %, giảm 20% thuế điền thổ và qui định một số nguyên tắc chia ruộng đất công , tạm giao ruộng đất vắng chủ cho nông dân thiếu ruộng...

4. Phân Liên khu ủy miền Đông: “Báo cáo tình hình cải cách ruộng đất từ sau Cách mạng Tháng Tám và tình hình nông thôn hiện nay”, ngày 4-11-1953, tr.11. Tài liệu Viện Lịch sử Đảng

5. Xứ ủy Đảng bộ Nam Bộ, Ban Thường vụ: Chỉ thị 113/CTX “Về việc tạm cấp ruộng đất của Pháp và Việt gian cho dân cày nghèo”. Tài liệu Phòng khoa học công nghệ môi và trường Quân khu 9

6. Hội đồng chỉ đạo biên soạn Lịch sử Nam Bộ kháng chiến: *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến*, Tập I 1945-1954, Nxb CTQG-ST, 2010, tr.479

7. Ủy ban Kháng chiến hành chính Nam Bộ: “Bản kiểm thảo công tác chính quyền ở Nam Bộ năm 1950”. TL Viện Lịch sử Đảng, tr.17

8. Lê Duẩn: “Báo cáo tình hình Nam Bộ từ toàn quốc kháng chiến đến đầu 1952”, tr.60. Tài liệu Phòng khoa học công nghệ và môi trường Quân khu 9

9. Công điện Trung ương gửi Xứ ủy Nam Bộ ngày 21-4-1951 về “Biên bản Cuộc họp giữa Trung ương và đoàn đại biểu Nam Bộ”, ngày đến 8-4-1951. Tài liệu Phòng khoa học công nghệ và môi trường Quân khu IX

10. Theo thống kê của Pháp, năm 1945, tổng số ruộng đất toàn Nam Bộ có 2.400.000 mẫu, phần lớn tập trung trong tay địa chủ Pháp, địa chủ Việt, Nhà chung. Số địa chủ Việt Nam chỉ chiếm 2,5% dân số mà chiếm tới 45% diện tích. Đồn điền của địa chủ Pháp chiếm 20%, Nhà chung và địa chủ ngoại kiều chiếm 10%. Nông dân chiếm 90% dân số chỉ có 22,5% diện tích ruộng đất. Riêng tỉnh Bạc Liêu, địa chủ chiếm 65 % diện tích đất trong toàn tỉnh. Dẫn theo: Trung ương Cục miền Nam, Tiểu ban vận động: “Báo cáo tình hình ruộng đất ở Nam Bộ”. Tài liệu Phòng khoa học, công nghệ, môi trường Quân khu 9

11. Trong thời gian đầu kháng chiến, tầng lớp địa chủ đã có sự biến động: phần đông địa chủ lớn và cực lớn bỏ chạy vào vùng tạm chiếm. Trong vùng căn cứ, chủ yếu còn địa chủ nhỏ và vừa, sở hữu ruộng đất từ 5 ha đến 50 ha. Một số địa chủ chạy vào vùng Pháp chiếm đóng nhưng vẫn sai người về thăm địa tô

12, 13. Hội đồng chỉ đạo biên soạn Lịch sử Nam Bộ kháng chiến: *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến*, Tập I 1945-1954, Nxb CTQG-ST, 2010, tr.480; Nghị quyết Thường vụ Xứ ủy Nam Bộ mở rộng ngày 16-20-2-1951

14. Khu 7 đất ít người đông, là vùng vùng địch uy hiếp mạnh, một số địa chủ dựa vào Pháp chỉ thực hiện giảm tô 20 đến 25%. Khu 8, phong trào kháng chiến mạnh hơn, địa chủ giảm tô giảm từ 25 đến 45%; trong

đó, giảm nhiều là ở Đồng Tháp Mười. Khu 9, đất rộng người thưa, là vùng căn cứ của ta, có nơi giảm đến 80%

15. Các nhiệm vụ cụ thể của nền kinh tế nhân dân bao gồm các công tác cụ thể: Giảm tô giảm tức; hiến điền; tạm cấp ruộng đất của Pháp và Việt gian; tín dụng sản xuất, giúp đỡ dân cày nghèo; tăng gia sản xuất tự cung tự cấp; hợp tác xã; vận tải tiếp tế, nội thương, chỉ huy ngoại thương; bao vây kinh tế địch; chống bạc giá, bảo vệ tiền tệ Việt Nam, ngân sách. Ủy ban Kháng chiến hành chính Nam Bộ: “Bản kiểm thảo công tác chính quyền ở Nam Bộ năm 1950”. TL Viện Lịch sử Đảng

16. Từ tháng 11-1945, Bộ Nội vụ ra Thông tư quy định giảm tô 25%, đến thời gian này Chủ tịch nước ra Sắc lệnh có bổ sung một số nội dung mới đem thêm lợi ích cho nông dân

17, 22, 23. Công điện Trung ương gửi Xứ ủy Nam Bộ ngày 21-4-1951 về “Biên bản Cuộc họp giữa Trung ương và đoàn đại biểu Nam Bộ”, ngày đến 8-4-1951. Tài liệu đã dẫn

18. Ủy ban Kháng chiến hành chính Nam Bộ: “Bản kiểm thảo công tác chính quyền ở Nam Bộ năm 1950”. TL Viện Lịch sử Đảng

19. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sdd, T.11, tr.524

20. Ban Chấp hành Xứ Đảng bộ Nam Bộ, Ban Thường vụ, Nghị quyết số 28/NQ-XU: Nghị quyết Hội nghị Thường vụ Xứ ủy mở rộng từ ngày 16 đến 20-2-1951, tr.4. Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng Thành ủy TP Hồ Chí Minh

21. Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ hai của Đảng tiến hành từ ngày 11 đến 19 - 2- 1951. Đại hội chủ trương thành lập Trung ương Cục miền Nam trực tiếp lãnh đạo Nam Bộ và giúp cuộc kháng chiến của nhân dân Campuchia. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ nhất họp từ ngày 13 đến 16-3-1951 quyết định thành lập Trung ương Cục miền Nam thay cho Xứ ủy Nam Bộ. Trung ương Cục miền Nam thành lập và chính thức hoạt động từ tháng 6-1951.